

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2018/DS-PT
Ngày: 13-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Trần Thị Thanh Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2018/QĐPT-DS ngày 14 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1977.

Nơi thường trú: 10/3 hẻm 402, tổ 6, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tiến D, sinh năm 1978.

Nơi thường trú: 018 ấp 1C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: B14/KC, tổ 2, ấp 6, xã H, T, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Công N, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: ấp 6, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Tiến D.

(Các ông bà L, D, N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà L và ông Trần Công N là bạn bè với nhau, bà L và ông Trần Tiến D không quen biết nhau. Khoảng ngày 13/01/2017, ông N đang ở nhà bà L thì có một người đàn ông (sau này mới biết là ông D) gọi điện hỏi ông N có tiền cho vay không, ông N nói để hỏi đã. Ông N mở loa ngoài điện thoại cho bà L nghe, bà L đồng ý cho vay. Ngày 15/01/2017, bà L đưa 40.000.000 đồng cho ông N để đưa cho ông D vay. Ông N nói cứ đưa tiền cho ông đi rồi sẽ đưa giấy vay lại cho bà L. Khi đi ông D cầm theo mẫu giấy vay tiền đã được đánh máy sẵn ở nhà bà L. Sau khi ký giấy vay với ông D thì ông N về đưa lại giấy vay cho bà L xem và ký tên vào người làm chứng. Bà L phát hiện giấy vay bị sai ở chỗ tư cách “Bên cho vay” và “Bên vay” và người cho vay là ông N chứ không phải là bà L. Bà L yêu cầu ông N làm lại giấy vay với tư cách người cho vay là bà L vì số tiền 40.000.000 đồng là của bà L. Ông N nói bà L cứ đi tìm ông D mà ghi lại nên ngày 20/01/2017, bà L đã gặp ông D để đề nghị ghi lại giấy cho vay tiền cho đúng. Hôm đó chỉ ký kết lại giấy vay tiền thôi chứ không có giao nhận tiền. Theo giấy vay tiền ngày 20/01/2017 thì thời hạn vay là 03 tháng, từ 20/01/2017 đến 20/4/2017, lãi suất 5%/tháng, trả tiền gốc và lãi vào ngày 20/4/2017. Ông D đã đến nhà bà L 02 lần để trả tiền lãi là 4.000.000 đồng. Hiện nay bản chính giấy vay tiền ngày 15/01/2017 do ông N giữ.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2017, bà L yêu cầu ông D trả lại cho bà L số tiền là 48.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền ngày 20/01/2017. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất bà L yêu cầu ông D trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông D trả cho bà L số tiền gốc là 37.328.000 đồng là lấy 40.000.000 đồng trừ đi số tiền lãi bà L đã nhận cao hơn quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Trần Tiến D trình bày:*

Ông là bạn của ông Trần Công N, còn với bà L thì trước đây không có quen biết. Khoảng ngày 13/01/2017, ông có gọi điện cho ông N hỏi vay tiền, số tiền 40.000.000 đồng, ông N đồng ý sẽ cho ông vay tiền. Đến ngày 15/01/2017, ông N hẹn ông ra quán cà phê đưa cho ông số tiền 40.000.000 đồng. Ông là người viết thông tin trên giấy vay tiền đã được đánh máy sẵn, lúc đó không có mặt của bà L ở quán cà phê. Theo giấy vay tiền ngày 15/01/2017, thì người cho vay là ông N, thời hạn vay là 02 tháng, từ ngày 15/01/2017 đến ngày 15/03/2017, trên giấy tờ không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng là lãi suất 8% một tháng, tiền gốc sẽ thanh toán vào ngày 15/3/2017. Khi đưa tiền, ông N không nói tiền này là của ai. Giấy vay tiền này được lập thành 01 bản giao cho ông N giữ.

Đến sáng ngày 20/01/2017 bà L gọi điện cho ông, hẹn ông ra quán cà phê nói chuyện. Bà L có cầm 01 giấy vay tiền ngày 15/01/2017 đến gặp ông để yêu cầu ký lại.

Ông không biết rõ đó có phải là bản chính hay không. Tại đây, bà L nói số tiền đó là của bà và yêu cầu ông ký lại giấy vay tiền ngày 20/01/2017, ông là người viết thông tin vào giấy vay. Hôm đó chỉ ký lại giấy vay tiền thôi chứ không có giao nhận tiền. Giấy vay tiền này lập thành 01 bản giao cho bà L giữ. Theo giấy vay tiền ngày 20/01/2017 thì thời hạn vay là 03 tháng, từ 20/01/2017 đến 20/4/2017, lãi suất 5%/tháng, trả tiền gốc và lãi vào ngày 20/4/2017.

Đến ngày 15/02/2017, ông N gọi điện cho ông để nhắc về tiền lãi. Ông nói sẽ trả cho bà L để bà có tiền nuôi con, ông N cũng không có ý kiến gì. Ông đã trả lãi cho bà L hai lần với số tiền 4.000.000 đồng.

Số tiền 40.000.000 đồng trong 02 giấy vay tiền này là một, ông không biết số tiền này thực tế là của ai. Nay bà L yêu cầu ông trả 40.000.000 đồng, ông đồng ý với điều kiện ông N không tranh chấp gì với ông về số tiền này tại giấy vay ngày 15/01/2017.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công N trình bày:*

Vào khoảng năm 2015 cho đến gần đây, ông và bà L quan hệ tình cảm với nhau. Còn ông và ông D là quan hệ hàng xóm, bạn bè. Khoảng mấy ngày trước ngày 15/01/2017, ông D có gọi điện cho ông hỏi vay tiền của ông. Lúc đó ông nhận lời cho ông D vay tiền. Đến ngày 15/01/2017 khi ông đang ở nhà bà L, ông D gọi cho ông. Ông hẹn ông D ra quán cà phê. Ông có cầm theo giấy chứng minh nhân dân của bà L do bà L đưa để ông ghi tên bà L vào phần người làm chứng. Khi ký giấy vay tiền xong, về nhà ông phát hiện bị sai tư cách bên cho vay và bên vay, ông có đưa cho bà L đọc, ông và bà L cùng sửa vào giấy vay tiền, sau đó bà L ký vào mục người làm chứng. Sau đó, ông để giấy vay tiền trong cốp xe của ông thì bà L đã lấy khi nào ông không biết, bản chính giấy vay ngày 15/01/2017 ông không còn giữ. Ông khẳng định số tiền 40.000.000 đồng cho ông D vay là tiền của ông. Khi cho vay, có thỏa thuận miệng lãi suất 8% một tháng, tiền gốc sẽ thanh toán vào ngày 15/3/2017. Đến ngày 15/02/2017, ông gọi điện nhắc ông D trả tiền lãi, ông D nói sẽ trả cho bà L. Ông cũng không có ý kiến gì vì lúc đó ông và bà L còn có quan hệ tình cảm với nhau.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông D trả 37.328.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/01/2017 giữa bà L và ông D thì ông không có ý kiến gì, vì ông không biết về việc vay tiền giữa hai người, cũng không biết số tiền 40.000.000 đồng tại hai giấy cho vay có phải là một hay không. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông D về việc cam kết không tranh chấp hoặc khởi kiện ông D đối với số tiền 40.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 15/01/2017 và hủy giấy vay tiền này. Ông không có yêu cầu độc lập gì đối với ông D và bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Trần Tiến D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Trần Tiến D phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L số tiền nợ gốc là 37.328.000 đồng (ba

mười bảy triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng). Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2017, ông Trần Tiến D kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy giấy vay tiền lập ngày 20/01/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Theo hồ sơ thì các bên ký kết “giấy cho vay tiền ngày 15/01/2017” thể hiện nội dung bên A (Trần Tiến D) cho bên B (Trần Công N) vay số tiền 40 triệu đồng có người làm chứng là Trần Thị L, nhưng khi ký tên thì chỉ có ông D ký bên vay và bà L ký người làm chứng, ông N không ký tên người cho vay. Sau khi ký, ông N giao cho ông D số tiền 40 triệu đồng, được các bên thừa nhận. Khoảng 5 ngày sau, bà L và ông D ký kết “giấy cho vay tiền ngày 20/01/2017” với nội dung bà L có cho ông D vay số tiền 40.000.000 đồng, bà L ký bên cho vay, ông D ký bên vay. Ông D khai giấy này được đánh mẫu in sẵn tại nhà bà L, do bà L yêu cầu ông D viết nội dung và ký tên bên vay, còn bà L ký tên bên cho vay, bởi vì bà L nói số tiền 40 triệu mà ngày 15/01/2017 ông D nhận từ ông N là tiền của bà L chứ không phải tiền của ông N. Khi ông D ký thì ông D không hỏi ý kiến của ông N 40 triệu là tiền của ai. Cả ông D và bà L khai thống nhất là 2 bên chỉ ký tên chứ bà L không giao tiền vì tiền ông N đã giao vào ngày 15/01/2017. Xét thấy giấy này không có giá trị pháp lý bởi không có việc giao nhận tiền và không có sự đồng ý của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N khai không nhận xấp tiền 40 triệu của bà L và bà L không có chứng cứ gì chứng minh đã giao cho ông N 40 triệu. Vì vậy không có cơ sở pháp lý xác định số tiền ông D vay là của bà L, việc bà L khởi kiện đòi ông D trả nợ là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là không đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tiến D: Theo sự thừa nhận của các bên thì bà Trần Thị L và ông Trần Công N là bạn bè với nhau, bà L và ông Trần Tiến D không quen biết nhau nhưng ông N và ông D có quen biết nhau. Khoảng ngày 13/01/2017, ông D gọi điện thoại cho ông N để hỏi vay tiền, ông N đồng ý cho ông D vay. Ngày 15/01/2017 tại quán cà phê, ông N đã đưa cho ông D số tiền 40.000.000 đồng. Ông D là người điền các thông tin vào giấy vay tiền đề ngày 15/01/2017, lúc đó không có mặt bà L. Theo giấy vay tiền ngày 15/01/2017 thì người cho vay là ông N, thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 15/01/2017, không ghi lãi suất, thời hạn thanh toán tiền gốc vào ngày 15/3/2017. Giấy vay tiền được lập thành một bản giao ông N giữ.

[3] Tuy nhiên, theo bà L thì số tiền 40.000.000 đồng là của bà cho ông D vay, bà đưa tiền cho ông N để ông N đưa cho ông D. Vì giấy vay 15/01/2017 đã không ghi đúng bên cho vay tiền là bà và còn ghi nhầm giữa bên vay và bên cho vay nên ngày 20/01/2017 bà đã yêu cầu ông D ghi lại giấy vay cho bà với tên người cho vay là Trần Thị L, bà thừa nhận lần ghi giấy 20/01/2017 thì bà không đưa số tiền nào cho ông D.

[4] Theo ông D thì ông đã có viết 02 giấy vay tiền vào ngày 15/01/2017 và 20/01/2017 nhưng chỉ có một khoản vay là 40.000.000 đồng. Người ông hỏi mượn tiền là ông N, người đưa tiền vay cho ông là ông N và ông đã ghi giấy vay với ông N. Tuy nhiên ngày 20/01/2017, bà L gặp ông và yêu cầu viết lại giấy vay (căn cứ trên khoản vay ngày 15/01/2017). Ông đã viết giấy vay cho bà L nhưng không nhận thêm số tiền vay nào. Cả 02 giấy vay đều được lập thành một bản giao cho ông N, bà L giữ, ông không giữ bản nào.

[5] Theo ông N thì số tiền 40.000.000 đồng ông đưa cho ông D vay ngày 15/01/2017 là tiền của ông. Tuy trong giấy vay không ghi lãi suất nhưng thực chất việc vay này có lãi. Ngày 15/02/2017 ông nhắc ông D trả lãi, ông D nói sẽ trả cho bà L nhưng vì ông và bà L thời gian đó có quan hệ tình cảm với nhau nên ông không có ý kiến. Nay bà L yêu cầu ông D trả tiền vay 40.000.000 đồng ông không có ý kiến vì ông không biết gì về việc vay tiền giữa bà L và ông D và cũng không biết khoản vay giữa 02 giấy vay ngày 15 và 20/01/2017 có là một hay không. Tuy không có yêu cầu độc lập nhưng ông không cam kết không tranh chấp hay không khởi kiện ông D về số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 15/01/2017.

[6] Xét thấy vụ việc có chứng cứ và thừa nhận của các bên là có 02 giấy vay tiền với nội dung thể hiện 02 người cho vay là khác nhau. Cả bà L và ông N đều cho rằng khoản tiền 40.000.000 đồng là của mình. Tuy nhiên phía người vay là ông D chỉ thừa nhận ông chỉ nhận tiền vay của ông N chứ không nhận tiền của bà L, việc vay tiền thì ông cũng chỉ thỏa thuận với ông N. Do đối với giấy cho vay tiền ngày 20/01/2017 cả ông D và bà L đều khai thống nhất là hai bên chỉ ký tên chứ bà L không giao tiền vì tiền thì ông N đã giao vào ngày 15/01/2017. Do vậy giấy vay ngày 20/01/2017 không có giá trị pháp lý bởi không có việc giao nhận tiền và không có sự đồng ý của ông N.

Việc bà L khẳng định tuy bà không trực tiếp đưa tiền cho ông D nhưng tiền vay thực chất là của bà và bà đưa cho ông N giao ông D hộ bà nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh, không có người làm chứng và ông N cũng không thừa nhận sự việc bà trình bày. Ngoài ra, bà cũng không đưa ra được lý do hợp lý để giải thích cho việc bà đã ký vào giấy vay 15/01/2017 với tư cách là người làm chứng trong khi bà cho rằng tiền vay là của bà và bà có yêu cầu ông N đem giấy vay về cho bà với ghi nhận bà là người cho vay... Do bà L khởi kiện yêu cầu ông D trả tiền vay cho bà nhưng lại không có căn cứ để chứng minh khoản tiền 40.000.000 đồng là của bà cho ông D vay nên yêu cầu khởi kiện của bà L không có cơ sở chấp nhận. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L chỉ căn cứ trên giấy vay ngày 20/01/2017 mà không xem xét giấy vay tiền ngày 15/01/2017 và sự khai nhận của các bên là không có căn cứ nên cần sửa bản án sơ thẩm.

[7] Bên cạnh đó, trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 bà L yêu cầu ông D trả lại cho bà số tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 8.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền ngày 20/01/2017 nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất bà Thu (đại diện theo ủy quyền của bà L) lại thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông D trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Thu lại yêu cầu ông D trả cho bà L số tiền gốc là 37.328.000 đồng (gốc 40.000.000 đồng trừ đi số tiền lãi bà L đã nhận cao hơn quy định). Việc nguyên đơn có thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa thì cần phải thể hiện bằng đơn thay đổi hoặc rút một phần yêu cầu khởi kiện và xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Trong việc này cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L thừa nhận ý kiến bà cũng đồng ý là rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không có ý kiến gì khác và vì vi phạm này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của đương sự nên chỉ rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

[8] Về án phí: Do sửa bản bản án sơ thẩm nên người kháng cáo - ông Trần Tiên D không phải chịu án phí.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Tiên D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Trần Tiến D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu án phí 1.866.400đ (Một triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), bà L đã nộp 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 006433 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà L phải nộp thêm số tiền 666.400 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Tiến D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 005034 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phụng